|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ ÁN**

**Tổng thể phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2237 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

**Chương I**

**SỰ CẦN THIẾT, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ**

 **I. SỰ CẦN THIẾT**

Nhìn chung việc phát triển khu kinh tế cửa khẩu (KKTCK) nước ta những năm qua không chỉ góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng, thuận lợi hóa thương mại, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào khu vực biên giới, mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân vùng biên, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các địa phương biên giới và rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền trong cả nước.

KKTCK tỉnh Cao Bằng[[1]](#footnote-2) thành lập tại Quyết định số 20/2014/QĐ-TTg ngày 11/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, được hưởng cơ chế chính sách đặc thù, ưu đãi về đầu tư, về tài nguyên môi trường, quy hoạch xây dựng là điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), ổn định dân cư, củng cố an ninh quốc phòng và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam - Trung Quốc. Mặt khác Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng giữa nhiệm kỳ 2016-2020 xác định Cao Bằng cần tập trung đột phá phát triển ba thế mạnh, trong đóphát triển kinh tế biên mậu là một trong ba đột phá đó.

Trong những năm qua các cấp Đảng ủy, chính quyền tỉnh Cao Bằng đều quan tâm đầu tư xây dựng phát triển KKTCK trở thành trọng điểm phát triển kinh tế của tỉnh, tuy nhiên tốc độ phát triển chưa đạt được kỳ vọng và còn bộc lộ vấn đề tồn tại, khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến trình phát triển.

Từ thực tế trên, nhiệm vụ đặt ra là cần có biện pháp khắc phục vấn đề tồn tại, khó khăn, vướng mắc, phát huy thế mạnh để KKTCK tỉnh Cao Bằng trở thành động lực thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh nói chung, xóa đói giảm nghèo cho bà con vùng biên giới và góp phần giữ vững an ninh trật tự khu vực biên giới.Vì vạy,việc xây dựng Đề án tổng thể phát triển KKTCK của tỉnh là hết sức cần thiết.

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN**

**1. Đối tượng của Đề án**

Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động của KKTCK và các thương nhân, doanh nghiệp đầu tư trong KKTCK tỉnh Cao Bằng.

**2. Phạm vi của Đề án**

- Phạm vi thời gian: Giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030.

- Phạm vi về không gian: Toàn bộ KKTCK tỉnh Cao Bằng, diện tích và địa giới hành chính theoQuyết định số 20/2014/QĐ-TTg ngày 11/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

 **III. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

 **1. Chính sách quản lý của Trung ương**

Quy định chung về chính sách, quản lý điều hànhKKTCK thực hiện theo các Luật, văn bản dưới luật như Luật đất đai năm 2013, Luật đầu tư năm 2014, Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25/7/2013 của Chính phủvề việc ban hành Quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền… Ngoài ra Chính phủ còn cho phép KKTCK tỉnh Cao Bằng hưởng chính sách ưu đãi khác cụ thể như sau:Cho phép tỉnh Cao Bằng thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách phát triển kinh tế biên mậu tại Công văn số 748/TTg-KTTH ngày 27/5/2013 về việc thí điểm điểm một số cơ chế, chính sách phát triển kinh tế biên mậu; Công văn số 5357/VPCP-KTTH ngày 10/7/2015 của Văn phòng Chính phủcho phép tỉnh Cao Bằng triển khai xây dựng khu trung chuyển XNK hàng hóa nông lâm sản tại tỉnh Cao Bằng và tại tỉnh Lạng Sơn; Thủ tướng Chính phủ đã lựa chọn KKTCK tỉnh Cao Bằng là 1 trong số 9 KKTCK trọng điểm tập trung đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 tại Công văn số 2236/TTg-KTTH ngày 08/12/2015.

**2. Đối với tỉnh Cao Bằng**

Uỷ ban nhân dân (UBND) tỉnhđã ban hành quy chế quản lý, phối hợp quản lý và quy chế thực hiện chính sách thí điểm kinh tế biên mậu như: Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 ban hành Quy chế quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (thay thế Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy chế quản lý kinh doanh tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu, cửa khẩu phụ, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng); Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 về việc Ban hành Quy chế quản lý cửa khẩu, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế cửa khẩu và Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Ngày 31/7/2018 UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định số 1018/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025 với mục tiêu Phát huy tối đa lợi thế vị trí địa lý chiến lược của tỉnh.

Ngày 18/02/2019 Tỉnh ủy Cao Bằng ban hành Kế hoạch số 300-KH/TU phân công chuẩn bị nội dung trình các hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2019; UBND tỉnh Ban hành Chương trình số 532/CTr-UBND ngày 26/02/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng về Chương trình công tác tháng 3 năm 2019 và phân công chỉ đạo thực hiện. Trong đó giao Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Đề án tổng thể phát triển KKTCK tỉnh Cao Bằng, trình Ban thường vụ Tỉnh ủy.

**Chương II**

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂNKKTCKTỈNH CAO BẰNG

I. TÁC ĐỘNG ĐIỀU KIỆN KT-XH

1. Đánh giá tình hình phát triển KT-XH tỉnh Cao Bằng

*1.1. Thuận lợi*

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Tỉnh ủy đã xây dựng và ban hành 6 chương trình trọng tâm về phát triển KT-XH; nhiều Nghị quyết, Chương trình hành động, kế hoạch từng lĩnh vực phát triển KT-XH giai đoạn 2015-2020. Đảng bộ tỉnh đã quyết tâm, quyết liệt đổi mới, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo; tập trung thu hút các nguồn lực khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Chỉ đạo tháo gỡ 3 điểm nghẽn, nút thắt về Kết cấu hạ tầng giao thông; Chất lượng nguồn nhân lực; Thể chế, cơ chế của tỉnh và sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành với các địa phương. Huy động nguồn lực để thực hiện 3 đột phá chiến lược về phát triển Du lịch, dịch vụ theo hướng bền vững; phát triển Nông nghiệp thông minh; phát triển Kinh tế cửa khẩu để phát huy tối đa 8 lợi thế của tỉnh đó là, Cao Bằng là quê hương giàu truyền thống cách mạng; con người Cao Bằng giàu lòng yêu nước, trung thành, trung kiên với Đảng, đoàn kết, thông minh, sáng tạo; Cao Bằng có hơn hai mươi dân tộc anh em sinh sống, mỗi dân tộc có ngôn ngữ, phong tục tập quán riêng tạo nên sự phong phú trong đời sống văn hóa tinh thần; Cao Bằng được thiên nhiên ưu ái ban tặng nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng của cả nước, công viên Non nước Cao Bằng được UNESCO công nhận là công viên địa chất toàn cầu, có khu di tích lịch sử quốc gia Pác Bó, rừng Trần Hưng Đạo…; Cao Bằng có diện tích tự nhiên lớn hơn 6.600km2; Cao Bằng có dân số ít, hơn nửa triệu người, vì vậy dễ chăm lo, quản lý, dễ đạt tăng trưởng kinh tế trên đầu người; có đường biên giới trên bộ dài trên 333 km tiếp giáp với thị trường lớn nhất thế giới là Trung Quốc với nhiều cặp cửa khẩu, lối mở biên giới phục vụ xuất nhập khẩu (XNK) hàng hóa; điều kiện tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng thuận lợi và nguồn tài nguyên phong phú để đưa Cao Bằng phát triển nhanh và bền vững.

*2.2. Khó khăn*

Tỉnh Cao Bằng, điểm xuất phát KT-XH của tỉnh ở mức thấp; kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật thiết yếu phục vụ phát triển sản xuất còn thấp kém, chưa đồng bộ; đường giao thông đi lại khó khăn chỉ duy nhất có đường bộ. Kinh tế tăng trưởng khá nhưng chưa vững chắc và chưa đạt mục tiêu đề ra; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm và chưa rõ nét; sức cạnh tranh nền kinh tế thấp... Tiềm năng thế mạnh của tỉnh về thương mại du lịch, kinh tế cửa khẩu cũng chưa được khai thác, phát huy, hoạt động trong lĩnh vực này chưa ổn định.

 Về địa hình, tỉnh Cao Bằng chủ yếu là núi chiếm khoảng 90% diện tích, đất nông nghiệp chiếm 10%, trong đó chỉ có 45% là bằng phẳng thuận lợi cho canh tác, diện tích nhỏ nên không phù hợp cho phát triển kinh tế quy mô lớn; về lao động, chất lượng lao động còn ở mức thấp, chủ yếu là lao động chân tay; về phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch nhìn chung phát triển chậm, chưa bền vững;về phát triển công nghiệp, Cao Bằng có 01 khu công nghiệp đang đầu từ hạ tầng và 02 cụm công nghiệp, nhưng nhìn chung chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư, tỷ lệ lấp đầy thấp, khoảng 40%.

Nhìn chung tỉnh Cao Bằng có thế mạnh, cơ hội để khai thác phát triển 3 đột phá nêu trên. Tuy nhiên với điều kiện KT-XH hiện tại thì việc khai thác thế mạnh để phát triển KT-XH là một thách thức không nhỏ đối với tỉnh Cao Bằng.

**2. Điều kiện phát huy thế mạnh KKTCK tỉnh Cao Bằng**

KKTCK tỉnh Cao Bằng có tổng diện tích tự nhiên là 30.130,34 ha, có chiều dài đường biên giới tiếp giáp với Khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc là 265 km trên tổng chiều dài 333,125 km đường biên giới toàn tỉnh. KKTCK gồm 37 xã và 3 thị trấn nằm trên địa bàn 7 huyện biên giới, gồm hệ thống các cửa khẩu, lối mở biên giới (cặp chợ biên giới) với 01 cửa khẩu quốc tế Tà Lùng; 03 cửa khẩu chính (song phương hay cửa khẩu quốc gia) là cửa khẩu Trà Lĩnh, Sóc Giang, Lý Vạn; 02 cửa khẩu phụ là cửa khẩu Pò Peo, cửa khẩu Hạ Lang (Bí Hà) và nhiều lối mở biên giới khác.

Khu vực trong ranh giới KKTCK nằm trải dài từ Đông sang Tây khu vực cửa khẩu gần nhất cách trung tâm tỉnh lỵ 35km, xa nhất là 100km. Chiều dài đường biên giới tiếp giáp huyện 4 huyện Long Châu, Nà Pò, Tịnh Tây, Đại Tân– Trung Quốc.

Vị trí địa lý KKTCKrất thuận lợi cho phát triển kinh tế biên mậu, cụ thể là hoạt động XNK hàng hóa. Có thể tận dụng chính sách ưu đãi đầu tư kết hợp với vị trí địa lý thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư vào KKTCK. Mặt khác với đường biên giới dài tiếp giáp với Trung Quốc là lợi thế, tạo sự ổn định cho hoạt động XNK thông qua rất nhiều hệ thống các cửa khẩu, lối mở, cặp chợ biên giới.

Bên cạnh cơ hội thuận lợi, thì KKTCK vẫn tồn tại khó khăn, hạn chế như kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn thiếu và yếu, đặc biệt là hệ thống đường giao thông tại các tuyến đường ra cửa khẩu đang xuống cấp nghiêm trọng, kim ngạch XNK chưa ổn định do chính sách biên mậu phía Trung Quốc có nhiều thay đổi khó lường gây bất ổn.

**II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KKTCK GIAI ĐOẠN 2013-2018**

**1. Về công tác quy hoạch**

- UBND tỉnh Cao Bằng đã triển khai và hoàn thành công tác quy hoạch chi tiết tại khu vực các cửa khẩu, lối mở, điều chỉnh quy hoạch đã duyệt để phù hợp với quá trình phát triển của giai đoạn tới[[2]](#footnote-3).

Nhìn chung, công tác quy hoạch còn manh mún, chưa tạo được tính liền mạch, liên thông trong KKTCK. Vì vậy chưa đáp ứng được điều kiện cần để phát triển KKTCK giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Hiện nay tỉnh đang triển khai Quy hoạch chung xây dựng KKTCK tỉnh Cao Bằng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040 tại Quyết định số 794/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 với phạm vi ranh giới và quy mô nghiên cứu là 30.130,34 ha, gồm 37 xã và 3 thị trấn nằm trên địa bàn 7 huyện biên giới.

- Năm 2018 Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu trung chuyển phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa nông, lâm, thủy sản tại cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằnggiai đoạn 2016-2025, tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Cao Bằng với phạm vi quy hoạch là 80 ha gồm 3 phân khu chức năng với tính chất trung chuyển XNK hàng hóa; tiếp nhận, lưu trữ, phân phối hàng hóa container; kiểm tra các thủ tục XNK, thông quan thủ tục hải quan và là khu gắn kết các loại hình như dịch vụ vận tải, giới thiệu sản phẩm, văn phòng làm việc, cây xanh và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

**2.Công tác xuất nhập khẩu hàng hóa**

Tổng kim ngạch XNK hàng hóa qua địa bàn KKTCK tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2013-2018 là 12,153 tỷ USD, năm sau cao hơn năm trước. Kim ngạch XNKnăm 2018 đã tăng 1,04 tỷ USD so với năm 2013, trung bình mỗi năm tăng 173,9 triệu USD/năm. Trong đó:

+ Kim ngạch NXK hàng hóa mở tờ khai tại tỉnh Cao Bằng đạt trị giá 3,532 tỷ USD, chiếm 29,06% tổng trị giá hàng hóa XNK qua địa bàn tỉnh.Kim ngạch XNKnăm 2018 tăng 201,9 triệu USD so với năm 2013, trong đó xuất khẩu đạt trị giá 2,1 tỷ USD, nhập khẩu đạt 1,4 tỷ USD.

+ Kim ngạch hàng hóa mở tờ khai tại các địa phương khác qua địa bàn tỉnh Cao Bằng đạt 8,62 tỷ USD, Trị giá hàng hóa XNK năm 2018 tăng 842 triệu USD so với năm 2013.

**Bảng 1. Tổng hợp kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa qua địa bàn**

**Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2013-2018**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Đơn vị** | **Giai đoạn 2013-2018** | **Tổng cộng** |
| **Năm 2013** | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** |
| **I** | **Tổng Kim ngạch XNK** | **Tr. USD** | **1.861** | **1.500** | **1.205** | **1.831** | **2.851** | **2.905** | **12.153** |
| 1 | Trị giá hàng hóa XNK (mở TK tại Cao Bằng) | Tr. USD | 510 | 419 | 255 | 834 | 802 | 712 | **3.532** |
|  | Xuất khẩu | Tr. USD | 160 | 141 | 150 | 475 | 632 | 572 | **2.130** |
|  | Nhập khẩu | Tr. USD | 350 | 278 | 106 | 358 | 171 | 139 | **1.402** |
| 2 | Kim ngạch hàng giám sát(mở tờ khai tại địa phương khác) | Tr. USD | **1.351** | **1.081** | **950** | **997** | **2.049** | **2.193** | **8.621** |

 Nhìn chung kim ngạch XNK hàng hóa qua địa bàn tỉnh tăng, cao nhất là năm 2018 kim ngạch XNK đạt 2,9 tỷ USD. Cán cân thương mại kim ngạch hàng hóa XNK trên địa bàn tỉnh vẫn là xuất siêu. Kim ngạch hàng hóa giám sát mở tờ khai tại địa phương khác chiếm tỉ trọng đến 70,9% tổng trị giá hàng hóa XNK qua địa bàn tỉnh. Các ngành, các lực lượng chức năng thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhau trong công tác kiểm tra, kiểm soát hàng hóa lưu thông trên thị trường, quản lý hàng hóa XNK, thực hiện có hiệu quả công tác chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại trên địa bàn KKTCK, không xảy ra các vụ việc phức tạp về buôn lậu và gian lận thương mại.

**3. Kết quả hoạt động thu ngân sách**

Số thu ngân sách qua hoạt động của KKTCK hàng năm đều tăng cao và đóng góp cho ngân sách tỉnh từ 25-30%/năm, tổng số thu giai đoạn 2013-2018 đạt 2.610 tỷ đồng, trong đó: Thu thuế xuất nhập khẩu đạt: 1.251 tỷ đồng; thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu đạt: 1.359 tỷ đồng. Trung bình mỗi năm thu được 435 tỷ đồng.

**Bảng 2. Tổng hợp số thu ngân sách tại các cửa khẩu, lối mở**

**trongKhu kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2013-2018**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Đơn vị** | **Giai đoạn 2013-2018** | **Tổng cộng** |
| **Năm 2013** | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** |
| **Tổng cộng** |  | **376** | **317** | **451** | **463** | **487** | **516** | **2.610** |
| 1 | Thu NS do cơ quan Hải Quan thu | Tỷ đồng | 174 | 173 | 241 | 208 | 205 | 250 | **1.251** |
| 2 | Thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng tại các CK, Lối mở biên giới | Tỷ đồng | **202** | **144** | **210** | **255** | **282** | **266** | **1.359** |

 Hoạt động thu ngân sách giai đoạn 2013-2018 đều vượt chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giaogóp phần tăng thu ngân sách cho nhà nước. Trong đó số thu ngân sách do cơ quan Hải quan thu hàng năm đều đạt 100% kế hoạch; thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng năm 2013 đạt 111,6%, năm 2014 đạt 103,1%, năm 2015 đạt 140%, năm 2016 đạt 145,7%, năm 2017 đạt 140,3%, năm 2018 đạt 140,7% chỉ tiêu kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

 **4. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, xuất nhập biên (XNC-XNB) của người, phương tiện vận tải qua các cửa khẩu, lối mở trong KKTCK.**

 Các lực lượngchuyên ngành tại các cửa khẩu, lối mở đã phối hợp tốt trong việc kiểm tra, kiểm soát XNC-XNB. Hoạt động quản lý XNC-XNB ngày càng được cải thiện và rút ngắn được thời gian làm thủ tục, kiểm soát tốt tình hình. Số lượt người và phương tiện XNC-XNB qua các cửa khẩu trong KKTCK tỉnh Cao Bằng tăng đều qua các năm. Dự kiến trong thời gian tới và những năm tiếp theo, số lượng người xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng nhanh.

**Bảng 3. Tổng số lượt người và phương tiện XNC-XNB tại các cửa khẩu,**

**lối mở trong Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2013-2018**

| **STT** | **Năm** | **Xuất cảnh (**lượt/ người) | **Nhập cảnh (**lượt/ người) | **Xuất cảnh vùng biên giới (**lượt/ người) | **Nhập cảnh vùng biên giới (**lượt/ người) | **Phương tiện ra vào KVCK** (lượt/xe) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng cộng** | **64.960** | **64.667** | **1.739.957** | **1.278.342** | **148.935** |
| 1 | 2013 |  9.216  | 9.816 | 236.452 | 196.452 | 29.741 |
| 2 | 2014 |  9.494  | 9.294 | 212.063 | 166.063 | 29.672 |
| 3 | 2015 |  7.645  | 7.056 | 252.962 | 41.776 | 24.253 |
| 4 | 2016 |  7.952  | 7.892 | 327.052 | 186.906 | 24.738 |
| 5 | 2017 |  13.122  | 12.952 | 399.679 | 377.132 | 28.153 |
| 6 | 2018 |  17.531  | 17.657 | 311.749 | 310.013 | 12.378 |

*Nguồn số liệu: Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng[[3]](#footnote-4)*

**5. Tình hình đầu tư cơ sở hạ tầng sử dụng vốn ngân sách nhà nước**

 Bước đầu tạo dựng được cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường sống cho người dân, mở rộng quan hệ hợp tác, củng cố tình hữu nghị giữa Việt Nam với Trung Quốc, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng vùng biên giới.

Giai đoạn 2013-2018 đã đầu tư 29dự án cơ sở hạ tầng KKTCK với tổng mức đầu tư là 1.160 tỷ đồng, trong đó có 22 dự án đã hoàn thành, còn 07 dự án đang thực hiện. Một số dự án hoàn thành góp phần tăng cường nguồn lực thu hút đầu tư vào KKTCK như dự án hệ thống giao thông chính và hạ tầng giao thông tại các cửa khẩu, lối mở; hệ thống cấp thoát nước, lưới điện tại các cửa khẩu; các Trạm kiểm soát liên hợp và nhà làm việc chung của các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở.

**Bảng 4. Tổng hợp các dự án và nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng**

**Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2013-2018**

*(Đơn vị tính: Triệu đồng)*

| **STT** | **Danh mục dự án** | **Tổng mức đầu tư được duyệt** | **Tổng vốn đã bố trí** | **Số vốn đã giải ngân đến 31/01/2019** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|  | **Tổng cộng** | **1.160.014** | **512.199** | **476.140** |  |
| 1 | Khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh | 446.560 | 313.122 | 299.051 |   |
| 2 | Khu vực cửa khẩu Tà Lùng | 440.181 | 89.714 | 77.661 |   |
| 3 | Khu vực cửa khẩu Sóc Giang | 226.252 | 72.607 | 72.464 |   |
| 4 | Khu vực các cửa khẩu, lối mở khác | 47.021 | 36.756 | 26.964 |   |

 Quá trình phát triển KKTCK tỉnh Cao Bằng trong những năm qua gắn liền với việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đến nay bước đầu đã tạo nên diện mạo của đô thị miền núi, cải thiện được môi trường sống, việc làm và tăng thu nhập cho người dân tại khu vực, tạo điều kiện để thu hút được một số dự án đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn, góp phần phát triển KT-XH, thu hút dân cư đến làm ăn, sinh sống, gắn bó với biên giới. Và cũng thông qua hoạt động tại KKTCK đã từng bước mở rộng quan hệ, giao lưu, củng cố tình hữu nghị giữa Việt Nam với Trung Quốc đặc biệt là góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng vùng biên giới.

**6. Tình hình thu hút đầu tư, thực hiện dự án của các nhà đầu tư**

Đến nay trong Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng có 74 dự án đầu tư trong và ngoài nước, trong đó: gồm 9 dự án đầu tư nước ngoài (Trung Quốc) với số vốn đăng ký là 11 triệu USD và 618 tỷ đồng (số tiền đã giải ngân theo tiến độ đăng ký của các dự án là 200 tỷ); 65 dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước với tổng số vốn đăng ký đầu tư khoảng 12.373 tỷ đồng (số tiền đã giải ngân theo tiến độ đăng ký là gần 500 tỷ). Đã có 33 dự án đi vào hoạt động, 35 dự án đang triển khai, bước đầu tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho một bộ phận nhân dân vùng biên giới. Các dự án đã đi vào hoạt động góp phần hoàn thiện hạ tầng phục vụ hoạt động thương mại biên giới, trao đổi, XNK hàng hóa qua địa bàn KKTCK tỉnh Cao Bằng.

7. Công tác phối hợp quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường

Công tác cho thuê đất trong KKTCK được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo quản lý sử dụng đất đúng mục đích, tránh việc sử dụng đất lãng phí, không hiệu quả. UBND tỉnh đã thu hồi các dự án đầu tư, sử dụng đất không hiệu quả, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xử lý tài sản trên đất đối với các dự án đầu tư bị thu hồi đất. Đến nay, trong 74 dự án đầu tư trong và ngoài nước, UBND tỉnh đã phê duyệt cho 09 dự án thuê đất và Ban Quản lý khu kinh tế đã phê duyệt cho 26 dự án thuê đất với tổng diện tích 138,3 ha.

Công tác vệ sinh môi trường tại các cửa khẩu cơ bản đượcthực hiện tốt tạo môi trường xanh, sạch đẹp, đảm bảo mỹ quan môi trường, đô thị.

8. Hợp tác quốc tế trong phát triển khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng

Trên cơ sở các quy định của Đảng và Nhà nước về hoạt động đối ngoại, nhất là đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế, tỉnh Cao Bằng đã triển khai nhiều hoạt động kinh tế đối ngoại với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc trên cơ sở thông qua các cơ chế như: Hội nghị Ủy ban công tác liên hợp giữa 4 tỉnh Việt Nam gồm: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang và Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc; Ủy ban Hợp tác cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc; Hai bên tổ chức triển khai thực hiện tốt các Hiệp định về quản lý cửa khẩu, quản lý biên giới...

Giữa tỉnh Cao Bằng và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc đã ký thỏa thuận khung về tăng cường hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Trong thời gian qua, giữa 2 Tỉnh - Khu luôn giữ mối quan hệ láng giềng hữu nghị, ổn định, hợp tác giao lưu trên nhiều lĩnh vực như: mở, xây dựng và nâng cấp các cặp cửa khẩu, cặp chợ biên giới; hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, nông lâm nghiệp, văn hóa, giáo dục, du lịch, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng và kết nối giao thông, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, tội phạm qua biên giới...Trong đó đã ký kết và triển khai thực hiện tốt các thỏa thuận ký kết hợp tác giữa hai bên[[4]](#footnote-5).

Ngoài ra các sở, ngành, chính quyền địa phương các huyện biên giới cũng có các thỏa thuận hợp tác thúc đẩy phát triển kinh tế nói chung và kinh tế cửa khẩu nói riêng với các địa phương tiếp giáp với Trung Quốc. Đồng thời hàng năm đều xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tốt các chỉ đạo của tỉnh, của Trung ương về công tác đối ngoại, các nội dung hợp tác đã ký kết giữa hai bên.

**9. Tình hình hoạt động của các cửa khẩu, lối mở thời gian vừa qua**

Các cửa khẩu, lối mở biên giới trong KKTCK tỉnh Cao Bằng được chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như hệ thống đường giao thông, nhà trạm làm việc của các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu, quy hoạch chi tiết khu vực các cửa khẩu. Tại các cửa khẩu, lối mở biên giới đều được bố trí đầy đủ các lực lượng chuyên ngành, cơ quan liên quan để quản lý điều hành các hoạt động như hoạt động XNK hàng hóa; XNC-XNB của người, phương tiện vận tải; hoạt động đầu tư xây dựng và thu ngân sách nhà nước tại các cửa khẩu...

Số thu ngân sách tại các cửa khẩu, lối mở không ngừng tăng lên, trong năm 2013 số thu là 375,6 tỷ đồng, nhưng đến năm 2018 tổng số thu ngân sách là 516 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trung bình mỗi năm là 6,53%. Số thu cụ thể tại các cửa khẩu Tà Lùng là 1.176,4 tỷ đồng, cửa khẩu Trà Lĩnh là 617,6 tỷ đồng, lối mở Nà Lạn là 285,8 tỷ đồng, cửa khẩu Lý Vạn là 251,7 tỷ đồng, cửa khẩu Pò Peo là 185,6 tỷ đồng, cửa khẩu Sóc Giang thu được là 90,9 tỷ đồng.

Nhìn chung trong những năm qua, hoạt động thương mại, đầu tư và XNK hàng hóa chủ yếu tập trung ở các cửa khẩu như cửa khẩu Tà Lùng và cửa khẩu Trà Lĩnh. Đây là hai cửa khẩu đã và đang được đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng để phục vụ mục tiêu phát triển KKTCK trong giai đoạn tới. Các cửa khẩu, lối mở khác cũng đang được quan tâm đầu tư xây dựng nhằm phát huy thế mạnh của từng cửa khẩu góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

**10. Công tác phối hợp quản lý nhà nước trong KKTCK**

Công tác phối hợp quản lý nhà nước dần đi vào nề nếp, đặc biệt là triển khai quy trình thông quan XNK hàng hóa được liên thông giảm thiểu chi phí thời gian cho các doanh nghiệp; công tác giải phóng mặt bằng theo đúng nhiệm vụ, quy trình đã đẩy nhanh tiến độ giao đất sạch cho các nhà đầu tư, các dự án tái định cư được xây dựng kèm theo chính sách hỗ trợ ổn định đời sống cho các hộ gia đình có nhà đất trong diện thu hồi. Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện, tạo môi trường sạch đẹp với mục tiêu phát triển bền vững; công tác đối ngoại được các cơ quan phối hợp triển khai, định kỳ tổ chức cuộc họp với các cơ quan quản lý cửa khẩu phía Trung Quốc để nắm bắt tình hình và tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp.

**III. NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Về cơ chế chính sách**

Nhìn chung chính sách phát triển KKTCK chưa có chiều sâu, cụ thể như chính sách thu hút đầu tư còn chưa có chiến lược cụ thể, chưa tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư lớn có tính lan tỏa và chưa nêu cụ thể nội dung ưu đãi đầu tư đối với từng lĩnh vực trên địa bàn KKTCK; chính sách phát triển, quản lý KKTCK thường xuyên điều chỉnh gây khó khăn cho việc tiếp cận và phối hợp của các cơ quan liên quan; định hướng chính sách chủ yếu chỉ tập trung định hướng và giải pháp để tăng cường hoạt động thương mại, XNK hàng hóa nhờ tận dụng cơ hội, và thế mạnh để tăng thu cho ngân sách tỉnh mà chưa đánh giá được những thách thức như việc dự báo chính sách biên mậu của Trung Quốc để đưa ra giải pháp cụ thể để hoạt động XNK hàng hóa ổn định và bền vững hơn.

Nguyên nhân chủ yếu: Thứ nhất, là sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố chưa cao dẫn đến việc tham mưu cho UBND tỉnh chính sách phát triển chưa chuyên sâu; thứ hai, do tác động từ văn bản Luật, các Nghị định, hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan cấp trên thường xuyên có sự điều chỉnh, bổ sung và chưa phù hợp với đặc thù tình hình địa phương gây ảnh hưởng đến chính sách của cấp tỉnh như đối với công tác quản lý cửa khẩu theo Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25/7/2013 của Chính phủ; thứ ba là, kinh nghiệm định hướng chính sách phát triển của cán bộ, công chức quản lý còn hạn chế dẫn đến định hướng chính sách phát triển chưa sát với thực tế.

**2. Đối với hoạt động XNK hàng hóa và thu ngân sách**

Kim ngạch XNKthiếu sự ổn định, có thời điểm hoạt động XNK hàng hóa thông thương sôi động, có thời điểm phát sinh tồn đọng nhiều hàng hóa tại các cửa khẩu; hàng hóa xuất qua địa bàn tỉnh chủ yếu là loại hình tạm nhập tái xuất mở tờ khai ở các địa bàn khác qua KKTCK của tỉnh; kim ngạch XNK chính ngạch còn thấp. Thu ngân sách hàng năm đều vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra nhưng chưa đạt được kỳ vọng là tăng trưởng trên 10%/năm.

Nguyên nhân: Phía Trung Quốc chuyển từ XNK tiểu ngạch sang chính ngạch[[5]](#footnote-6); xây hàng rào, cử lực lượng chức năng tăng cường giám sát chặt chẽ tại các cửa khẩu, lối mở trong việc tái xuất hàng hóa, đã gây khó khăn trong việc bảo quản, lưu kho dẫn tới tăng chi phí giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Mặt khác công tác quản lý nhà nước còn chưa được vận dụng linh hoạt, sáng tạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp được tái xuất hàng hóa qua các cửa khẩu, lối mở, điểm xuất hàng thuộc KKTCK.

**3. Đối với công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch**

Việc lập quy hoạch chung xây dựng trong KKTCK tỉnhCao Bằng triển khai còn chậm, hiện nay mới đang xây dựng quy hoạch chung KKTCK, dẫn đến quy hoạch chi tiết các khu chức năng cũng chậm theo, làm mất đi cơ hội thu hút vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ít nhất là 02 năm đầu, ảnh hưởng đến quá trình đầu tư phát triển của KKTCK. Ngoài ra, trong công tác quản lý quy hoạch còn chưa tốt.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Đối với quy hoạch chung KKTCK: Do chưa bố trí được nguồn vốn nên công tác quy hoạch chung chưa được thực hiện ngay sau khi KKTCK tỉnh Cao Bằng được thành lập năm 2014. Hiện nay Đồ án Quy hoạch chung xây dựng KKTCK tỉnh Cao Bằng mới đang được thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại Công văn số 6420/VPCP-CN ngày 20/6/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

Đối với công tác quản lý quy hoạch: Chính quyền địa phương biên giới chưa quyết liệt trong việc quản lý quy hoạch,việc xử lý các vi phạm quy hoạch tại các cửa khẩu chỉ dừng lại ở mức độ lập biên bản vi phạm, chưa kiên quyết yêu cầu tháo dỡ, di dời; còn chậm, lúng túng trong công tác quản lý quy hoạch. Mặt khác nhận thức của người dân chưa cao nên khó khăn trong công tác quản lý quy hoạch.

**4. Đầu tư cơ sở hạ tầng**

Mặc dù đã được quan tâm xây dựng, tuy nhiên còn thiếu đồng bộ, một số công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu chưa được đầu tư. Riêng trong giai đoạn 2013-2018, tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 1,1 nghìn tỷ nhưng mới bố trí vốn kế hoạch là 512,1 tỷ, đáp ứng được 44,1% nhu cầu vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư cơ sở hạ tầng.

Nguyên nhân: Nhu cầu đầu tư lớn, nguồn vốn đầu tư chủ yếu từ nguồn NSNN, trong khi nguồn vốn NSNN cấp còn hạn chế, nên đến nay nhiều khu chức năng trong KKTCK đã được quy hoạch nhưng vẫn đang còn đang trên giấy, trên bản vẽ, hạ tầng kỹ thuật chưa được đầu tư. Một số dự án quan trọng cần khẩn trương hoàn thiện để phục vụ các hoạt động của KKTCK như nhà Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Pò Peo, Hạ Lang, Sóc Giang, các tuyến kết nối giao thông quan trọng chưa được đầu tư nâng cấp, cải tạo xây dựng, hệ thống cổng kiểm soát tại các cửa khẩu, các công trình hạ tầng thiết yếu khác như: Giao thông, cấp điện, cấp nước… Do hạ tầng cơ sở KKTCK tỉnh Cao Bằng còn thiếu và yếu, chưa đồng bộ nên chưa tạo được sự hấp dẫn thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh thương mại và các loại hình dịch vụ. Vì vậy, tăng trưởng tại KKTCK phụ thuộc chủ yếu nguồn thu ngân sách từ thu thuế và phí tại cửa khẩu.

**5.Thu hút dự án đầu tư**

Thu hút đầu tư vào KKTCK tỉnh Cao Bằng chưa đạt được kỳ vọng, cụ thể làcác dự án đăng ký đầu tư FDI chỉ thu hút được 9 dự án, còn lại là dự án vốn đầu tư trong nước, dự án đầu tư chủ yếu là kho, bến bãi với 33 dự án và công nghiệp nhẹ với quy mô và vốn đầu tư nhỏ, chưa tạo được đột phá để phát triển KKTCK và chưa tạo nhiều việc làm cho nhân dân vùng biên giới.Tình hình thực hiện một số dự án đầu tư còn chậm so với thời gian cam kết ghi trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Nguyên nhân chủ yếu:

*Thứ nhất*, Cao Bằng là một tỉnh miền núi, biên giới với điều kiện KT-XH của tỉnh hết sức khó khăn, cách xa các trung tâm kinh tế - thương mại lớn của cả nước, hệ thống giao thông chỉ có đường bộ, cước vận tải cao, phải qua nhiều trạm kiểm soát của các địa phương vì thế gây khó khăn cho thu hút dự án đầu tư của nhà đầu tư.

*Thứ hai*, do cơ sở hạ tầng KKTCK chưa được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là hệ thống giao thông kết nối các cửa khẩu, lối mở và với trung tâm tỉnh cũng như đến các tỉnh khác phần lớn chưa được đầu tư hoặc đã xuống cấp nghiêm trọng.

*Thứ ba*, quỹ đất sạch cho đầu tư không có do vốn ngân sách nhà nước cho giải phóng mặt bằng thiếu, hiện nay các nhà đầu tư phải ứng trước vốn để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư; công tác giải phóng mặt bằng chậm do chính quyền địa phương chưa quyết liệt, triển khai chậm và một số hộ dân chây ì không nhận tiền đền bù dẫn đến việc bàn giao mặt bằng chậm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư. Một số nhà đầu tư năng lực tài chính, khai thác thị trường còn hạn chế, nên mặc dù đã đi vào hoạt động nhưng hiệu quả một số dự án chưa cao.

Một số nhà đầu tư không tích cực triển khai dự án mặc dù đã được bàn giao đất sạch; tính đến nay đã thu hồi 27 dự án đầu tư (Huyện Trà Lĩnh: 03 dự án; Huyện Thạch An: 01 dự án; Huyện Hạ Lang: 02 dự án và Huyện Phục Hòa: 21 dự án).

**6. Hợp tác quốc tế**

Nhiều lĩnh vực hợp tác giữa tỉnh Cao Bằng với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc đã ký kết như hợp tác du lịch qua biên giới, khu hợp tác kinh tế qua biên giới, nâng cấp cặp cửa khẩu, lối mở…nhưng chủ yếu còn trên giấy tờ. Ví dụ như: Thực hiện thỏa thuận về việc xây dựng tuyến hành lang kết nối giao thông đường bộ từ các tỉnh tây nam Trung Quốc qua cửa khẩu Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng để đi ASEAN và quốc tế thông qua cảng Hải Phòng, phía Trung Quốc đã đầu tư đường cao tốc ra đến cửa khẩu Long Bang (đối diện là cửa khẩu Trà Lĩnh), tuy nhiên hiện nay tuyến đường cao tốc từ cửa khẩu Trà Lĩnh đến Đồng Đăng – Lạng Sơn để kết nối vào cao tốc Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng hiện nay vẫn chưa được đầu tư xây dựng

Nguyên nhân chủ yếu: Thứ nhất, do nguồn vốn đầu tư thiếu; thứ hai là, các thỏa thuận hợp tác này khi triển khai thực hiện phía Cao Bằng gặp nhiều khó khăn do phải chờ ý kiến của các bộ, ngành Trung ương và chỉ đạo của Chính phủ; chưa triển khai thực hiện đầy đủ các cam kết do khó khăn về nguồn lực đầu tư và thiếu các chủ trương, hướng dẫn của cấp trên.

 **7. Lĩnh vực môi trường**

 Ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường một số doanh nghiệp trong KKTCK chưa tốt, xả rác thải trái phép ra môi trường, gây nên những bức xúc trong nhân dân. Việc thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chưa được chuyên sâu, hiệu quả chưa cao; công tác quan trắc, giám sát chất lượng môi trường KKTCK chưa thực hiện được.

Nguyên nhân do: Địa bàn KKTCK có diện tích rộng và trải dài; công tác phối hợp thực hiện giữa các cơ quan quản lý nhà nước chưa thực sự tốt. Mặt khác kinh phí thực hiện công tác môi trường còn hạn hẹp không đủ vốn bố trí thực hiện tại tất cả các khu vực cửa khẩu, lối mở trong KKTCK.

**8. Nguồn nhân lực**

Cao Bằng là tỉnh miền núi, nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, trong đó trên 80% dân số của tỉnh sinh sống và làm nghề nông nghiệp tại khu vực nông thôn. Tuy nhiên hiện nay tỉnh đang thiếu lao động trẻ, tình trạng "ly nông, ly hương" diễn ra ngày càng phổ biến. Theo Cục thống kê tỉnh Cao Bằng, lực lượng lao động từ 15-49 tuổi có trên 361 nghìn người trong đó lực lượng thanh niên khoảng 150 nghìn người. Lao động đã qua đào tạo nghề chiếm khoảng 40%.

 Theo thống kê trên, lực lượng lao động tỉnh Cao Bằng rất thấp, thiếu cả số lượng và chất lượng ảnh hưởng đến hoạt động thu hút, kêu gọi đầu tư vào KKTCK nói riêng, tỉnh Cao Bằng nói chung.

**9. Công tác quản lý nhà nước**

- Trình độ tổ chức và năng lực quản lý nhà nước đối với KKTCK còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do cán bộ, công chức còn phải kiêm nghiệm nhiều nhiệm vụ trên các lĩnh vực khác nhau; KKTCK tỉnh Cao Bằng mới được thành lập từ năm 2014 vì thế công tác quản lý, tham mưu chính sách phát triển KKTCK của cán bộ, công chức còn chưa thực sự chuyên sâu và cần thêm thời gian để kiện toàn tổ chức bộ máy, cải cách thủ tục hành chính và kịp thời bồi dưỡng kiến thức để đáp ứng những yêu cầu nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Từ ngày thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 BQL Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang mà đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì biên chế được giao là 39. Tuy nhiên, sau khi thực hiện Quyết định số 20/2014/QĐ-TTg ngày 11/3/2014 của Thủ tướng chính phủ thì phạm vi quản lý trải dài từ Đức Long huyện Thạch An đến Cần Yên huyện Thông Nông và quản lý thêm 1 cửa khẩu chính, 2 cửa khẩu phụ và 9 lối mở, mà biên chế thực hiện theo đề án tinh giảm biên chế của tỉnh thì trong thời gian tới biên chế sẽ tiếp tục giảm ảnh hưởng đến công tác quản lý.

- Các Ban quản lý cửa khẩu Trà Lĩnh, Tà Lùng, Sóc Giang, Lý Vạn là đơn vị thành viên của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng với chức năng tham mưu quản lý Nhà nước tại cửa khẩu cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh và một số chức năng trực tiếp cho UBNDtỉnh (được quy định tại Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế điều hành hoạt động tại các cửa khẩu biên giới đất liền) chức danh Trưởng cửa khẩu do UBND tỉnh bổ nhiệm.

- Trong những năm qua, Các Ban quản lý cửa khẩu Trà Lĩnh, Tà Lùng, Sóc Giang, Lý Vạn đã sử dụng xe công vụ đúng quy định, hiệu quả góp phần quan trọng vào kết quả phát triển kinh tế cửa khẩu, kinh tế đối ngoại – ngoại giao của tỉnh. Việc tiếp tục được duy trì việc quản lý, sử dụng xe công vụ để phục vụ công tác của Các Ban quản lý cửa khẩu Trà Lĩnh, Tà Lùng, Sóc Giang, Lý Vạn là hết sức cần thiết.

- Tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô hiện có của Ban và các đơn vị trực thuộc năm 2018. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ thì các đơn vị trực thuộc Sở ( Trong đó có các Ban quản lý cửa khẩu trực thuộc Ban quản lý khu kinh tế tỉnh) sẽ không được trang bị xe ô tô gây khó khăn cho việc đi lại kiểm tra các cửa khẩu, lối mở.

**Chương III**

**MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP**

**PHÁT TRIỂN KKTCK CAO BẰNG ĐẾN NĂM 2030**

**I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

1. Quan điểm

1.1.Quy hoạch tổng thể phát triển KKTCK tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng và quy hoạch phát triển các KKTCK Việt Nam.

1.2. Chú trọng phát triển KKTCK; xây dựng chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công – tư (PPP), xã hội hóa mạnh mẽ các nguồn lực cho các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm có tính lan tỏa, liên vùng kết nối với cửa khẩu; phát triển dịch vụ hậu cần, logistic KKTCK; nâng cao kim ngạch XNK hàng hóa chính ngạch; áp dụng các biện pháp để giảm chi phí, thời gian thông quan hàng hóa XNK.

1.3. Phát triển KKTCK bền vững gắn với các nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng an ninh; chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với xây dựng nông thôn mới; tăng cường hợp tác về mọi mặt với các địa phương Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây nhằm phát triển mối quan hệ đối ngoại, tăng cường tình hữu nghị và đoàn kết khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

1.4. Tập trung giải quyết các vấn đề tồn tại, khó khăn thời gian qua để tạo ra sự chuyển biến tích cực trong sự phát triển KKTCK trong thời gian tới.

### **2. Mục tiêu**

#### 2.1. Mục tiêu chung

Triển khai tận dụng các cơ chế, chính sáchưu đãi để thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển KKTCK Cao Bằng. Xây dựng KKTCK tỉnh Cao Bằng trở thành khu vực kinh tế trọng điểm, là chiến lược trong phát triển kinh tếcủa tỉnh, là cửa ngõ trong kết nối quan hệ thương mại Asean - Việt Nam - Trung Quốc.

#### 2.2.Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng về kim ngạch XNK tăng bình quân từ 18-20%/năm.

-Phấn đấu các khoản thu ngân sách từ hoạt động phát triển KKTCK và hoạt động cửa khẩu trên địa bàn đến năm 2025 đóng góp khoảng 30-35%, đến năm 2030 đóng góp khoảng 35-40% cho ngân sách nhà nước.

-Từ nay đến năm 2025 KKTCK giải quyết cho khoảng 3.000lao động việc làm mới; đến năm 2030 giải quyết khoảng 10.000 lao động mới.

*-* Xây dựng và phát triển KKTCK phấn đấu đến năm 2030, 100% đô thị có quy hoạch bãi rác thải và thực hiện công tác thu gom rác thải; 100% dân cư khu vực cửa khẩu thuộc KKTCK được sử dụng nước hợp vệ sinh.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KKTCKĐẾN NĂM 2030**

**1. Dự báo tình hình**

Trong thập kỷ qua, tình hình thế giới có nhiều biến động và không thể lường trước, đặc biệt ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ -Trung và bất ổn về an ninh, chính trị tại Trung Quốc đối với vấn đề biểu tình tại Hồng Kônggây ra nhiều biến động về KT - XH của các nước trên thế giới, đặc biệt là Việt Nam, quốc gia tiếp giáp với Trung Quốc. Việt Nam tiếp tục là thị trường hút đầu tư FDI với nhiều chính sách ưu đãi cụ thể như Chính phủ ban hành quy định hỗ trợ doanh nghiệp tại Nghị Quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; ưu đãi cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ tại Nghị định 13/2019/NĐ-CP ngày 01/2/2019;chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015, về nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp khác…

Với tình hình Thế giới có nhiều biến động và quan điểm, chủ trương chính sách thu hút đầu tư của nước ta. Việt Nam luôn là thị trường tiềm năng với nguồn lao động trẻ, giá lao động rẻ, sẽ là cơ hội thu hút các doanh nghiệp FDI theo xu hướng "doanh nghiệp đầu tư từ Trung Quốc sang thị trường lân cận" để né tránh thuế quan khi chiến tranh thương mại leo thang.

Tỉnh Cao Bằng nói chung, KKTCK của tỉnh nói riêng có đường biên giới dài trên 333km tiếp giáp với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây Trung Quốc là cơ hội để đón dòng vốn FDI đầu tư, giúp tăng cường các nguồn lực phát triển KT – XH, đặc biệt là hoạt động kinh tế biên mậu. Với định hướng phát triển đúng đắn sẽ đưa KKTCK tỉnh Cao Bằng trở thành trung tâm logistic lớn của cả nước và trở thành cửa ngõ xuất nhập khẩu hàng hóa từ các nước ASEAN vào thị trường Trung Quốc và ngược lại.

**2. Định hướng trọng tâm phát triển các ngành kinh tếđến năm 2030**

*2.1.Định hướng phát triển dịch vụ logistics*

- Phát triển các trung tâm logistics trở thành trung tâm dịch vụ nòng cốt trong lưu thông và phân phối hàng hóa, phục vụ đắc lực cho sản xuất, tiêu dùng hàng hóa của tỉnh và XNK hàng hóa góp phần giảm chi phí, thời gian trong việc trung chuyển hàng hóa cho các tổ chức, cá nhân. Qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Phát triển các trung tâm logistics dựa trên sự huy động mọi nguồn lực xã hội, phát triển theo hướng đồng bộ chuyên nghiệp, tận dụng lợi thế sẵn có về vị trí địa lý, hành lang giao thông để tạo sự phát triển bền vững gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Phát huy tối đa lợi thế vị trí KKTCK như đã nêu ở trên để phấn đấu xây KKTCK tỉnh Cao Bằng trở thành trung tâm về dịch vụ logistics của vùng Đông Bắc.

*2.2.Định hướng về phát triển du lịch*

Hợp tác với phía Trung Quốc định hướng xây dựng du lịch qua biên giới kết hợp với điểm danh lam thắng cảnh tại khu vực biên giới của hai nước trong đó xây dựng khu du lịch Thác Bản Giốc, Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng trở thành khu du lịch trọng điểm, kiểu mẫu về du lịch biên giới, du lịch xanh, kết hợp với dự án trung tâm thể thao, vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp tại xã Đình Phong, huyện Trùng Khánh.

*2.3. Về ngành công nghiệp*

- Xây dựng, phát triển ngành công nghiệp chế biến nông nghiệp sạch để khai thác thế mạnh về sản vật nông nghiệp của tỉnh Cao Bằng như lúa nếp, chè Phja Đén, Phja Oắc, miến giong Nguyên Bình…để nâng cao giá trị hàng hóa phục vụ cho xuất khẩu bền vững.

- Khôi phục và phát triển các làng nghềsản xuất tiểu thủ công nghiệp truyền thống theo hướng vừa tạo việc làm tại chỗ cho khu vực nông thôn vừa khai thác các ngành nghề có khả năng kết hợp với du lịch biên giới.

**3. Về phát triển cơ sở hạ tầngđến năm 2030**

*3.1. Hạ tầng Giao thông*

+ Nâng cấp các tuyến đường quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh, nhất là các tuyến đi ra các cửa khẩu như QL3, QL34, QL34B, đường Hồ Chí Minh, tạo điều kiện để tỉnh phát huy lợi thế về phát triển cửa khẩu, đẩy nhanh tốc độ phát triển KT-XH của tỉnh. Triển khai dự án đường bộ cao tốc Trà Lĩnh (Cao Bằng) - Đồng Đăng (Lạng Sơn).

+ Đầu tư nâng cấp hoặc sửa chữa các tuyến đường tỉnh kết nối với các cửa khẩu; kết nối các cửa khẩu, lối mở trong KKTCK để đảm bảo việc giao thương hàng hóa XNK được thuận tiện. Mở mới một số tuyến trong các khu chức năng trung tâm KKTCK theo tiêu chuẩn kỹ thuật đường đô thị phù hợp với chức năng giao thông của từng tuyến.

*3.2. Hệ thống điện*

Định hướng đầu tư hệ thống nguồn điện theo hướng tập trung vào các khu vực trọng điểm của KKTCK. Khu vực Tà Lùng, Trà Lĩnh ưu tiên phát triển hệ thống cấp điện tại khu vực trung tâm đáp ứng các yêu cầu trước mắt như: điện chiếu sáng, điện cho bảo quản hàng hóa, điện sinh hoạt, điện cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh...

*3.3. Thông tin liên lạc, viễn thông*

Phát triển bền vững mạng bưu chính, viễn thông, hệ thống thông tin cơ sở bảo đảm thông suốt nhanh chóng, kịp thời đáp ứng nhu cầu thương mại điện tử trong công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước trên địa bàn KKTCK.

**4. Định hướng ưu tiên phát triển các cửa khẩu trong KKTCK**

*4.1.Trọng điểm ưu tiên thứ nhất: Khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh gồm thị trấn Hùng Quốc và xã Quang Hán, huyện Trà Lĩnh*

Giai đoạn 2019-2025 nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế và mở lối mở Nà Đoỏng (Việt Nam) – Nà Ráy (Trung Quốc) để thuận lợi thông thương hàng hóa; xây dựng hạ tầng khu trung chuyển hàng hóa nông lâm thủy sản tại khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh để sớm hình thành Cảng cạn ICD. Đến năm 2030 hình thành Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Trà Lĩnh (Việt Nam) – Long Bang (Trung Quốc) từ đó khai thác tuyến vận tải Quốc tế từ các tỉnh Tây Nam Trung Quốc qua Cao Bằng đi các nước ASEAN và quốc tế thông qua cảng Hải Phòng trên cơ sở kết nối tuyến cao tốc đường bộ Trà Lĩnh – Đồng Đăng – Hà Nội – Hải Phòng.

*4.2.Trọng điểm ưu tiên thứ hai: Khu vực cửa khẩu Tà Lùng và thị trấn Hòa Thuận thuộc huyện Phục Hòa*

Đến năm 2025 hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm để cửa khẩu Tà Lùng trở thành trọng điểm đầu tàu lôi kéo sự phát triển của KKTCK tỉnh Cao Bằng,công bốcửa khẩu Tà Lùng thành cửa khẩu quốc tế. Đến năm 2030 gắn kếttuyến hành lang từ Nam Ninh - Sùng Tả - Tà Lùng - Cao Bằng kết nối vào tuyến đường Hồ Chí Minh đi các địa phương phía Tây và gắn vào tuyến hành lang Đông - Tây kết nối với các nước trong khu vực ASEAN.

*4.3.Trọng điểm ưu tiên thứba: Khu vực cửa khẩu Sóc Giang xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng.*

Giai đoạn 2020-2025 tập trung khai thác các hoạt động thương mại giữa các địa phương giáp biên, gắn với phát triển du lịch khu di tích lịch sử Pác Bó, đặc biệt chú trọng đến hợp tác phát triển du lịch với đối tác Trung Quốc, lập các tour du lịch hai chiều giữa các địa phương khu vực giáp biên.

Đến năm 2030 hoàn thành công trình hạ tầng trọng điểm khu vực cửa khẩu, đảm bảo hệ thống giao thông, thông suốt tới khu vực Nà Po gắn kết tuyến giao thông nối từ Nam Ninh qua Nà Po đến khu vực phía Đông Nam của tỉnh Vân Nam.

*4.4.Trọng điểm ưu tiên thứ tư: Khu vực cửa khẩu Lý Vạn và xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang.*

-Khu vực cửa khẩu Lý Vạn: Giai đoạn 2020-2025 chính thức nâng cấp và công bố thành cửa khẩu chính; khai thác hiệu quả hoạt động thương mại biên giới; đầu tư cơ sở hạ tầng kêu gọi đầu tư xây dựng khu phi thuế quan, xây dựng tuyến giao thông kết nối cửa khẩu với danh lam, thắng cảnh của tỉnh như: Thác Bản Giốc; động Ngườm Ngao; Hang Dơi… để đến năm 2030 phát triển đồng bộ hoạt động thương mại biên giới cửa khẩu kết hợp với hoạt động du lịch.

*4.5. Các khu vực cửa khẩu, lối mở khác*

Giai đoạn 2020-2030 tiếp tục đầu tư một số dự án hạ tầng trọng điểm phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động kinh tế biên mậu; thu hút đầu tư đối với dự án kho, bãi, chế biến nông lâm, thủy sản. Hoàn thiện thủ tục công bố đối với cửa khẩu, lối mở.

**5. Phát triển sinh thái, bảo vệ môi trường bền vững**

Từng bướcxây dựngKKTCK sinh thái, khuyến khích, tổ chức các doanh nghiệp trong KKTCK tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên, có sự liên kết, hợp tác trong sản xuất để thực hiện hoạt động cộng sinh công nghiệp nhằm năng cao hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội của các doanh nghiệp. Hình thành cộng đồng doanh nghiệp bảo vệ và phát triển môi trường sống cho cộng đồng trong và xung quanh KKTCK thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

III. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KKTCK

## Căn cứ thực trạng phát triển KKTCK những năm qua và quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển KKTCK giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030 nêu trên. Để khai thác cơ hội phát triển KKTCK tỉnh Cao Bằng, khắc phục những vấn đề tồn tại khó khăn, Đề án đưa ra một số giải pháp sau:

1. Nhóm giải pháp về cơ chếchính sách

1.1.Xây dựng cơ chế chính sách

## - Giai đoạn 2019-2030 tiếp tục kiến nghị, đề xuất với các Bộ, Ngành Trung ương tham mưu cho Chính phủ hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật quy định riêng về chính sách ưu đãi về đầu tư, tài nguyên môi trường, chính sách về quản lý cửa khẩu, thương mại biên giới… phù hợp với đặc điểm, tình hình quản lý và phát triển các KKTCK của từng địa phương. UBND tỉnh Cao Bằng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn về chính sách quản lý cửa khẩu; công tác phối hợp quản lý nhà nước trong KKTCK; chính sách ưu đãi đầu tư; quy chế quản lý hoạt động thí điểm kinh tế biên mậu trên địa bàn KKTCK; các văn bản triển khai phát triển dịch vụ logistics.

## - Giai đoạn 2025-2030, từng bước xây dựng chính sách tái định cư, ổn định đời sống cho nhân dân khu vực cửa khẩu để tiến tới đưa dân cư sinh sống trong khu vực cửa khẩu ra ngoài, xây dựng hàng rào cứng tại khu vực các cửa khẩu, lối mở trong đó ưu tiên đối với cửa khẩu có tiềm năng và không gian quy hoạch phát triển như cửa khẩu Tà Lùng và Trà Lĩnh; khu vực thác Bản Giốc. Từ đó tạo không gian cho hoạt động thương mại, dịch vụ tại khu vực cửa khẩu phục vụ quản lý nhà nước được hiệu quả.

## - Thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư khu vực cửa khẩu theo phương án: Huy động nguồn vốn ứng trước của các nhà đầu tư, sử dụng linh động nguồn vốn để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng khu đô thị văn minh hiện đại, xây dựng khu tái định cư và hỗ trợ cho các hộ dân để ổn định đời sống, sản xuất theo quy định hiện hành.

## 1.2. Chính sách quản lý và thu hút đầu tư

- Giai đoạn 2019-2025 tiếp tục đôn đốc các nhà đầu tư triển khai dự án đảm bảo đúng tiến độ, phù hợp với mục tiêu dự án; hướng dẫn, giúp các nhà đầu tư tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai. Kiên quyết thu hồi các dự án đầu tư không hiệu quả, không triển khai và triển khai không đúng tiến độ đã cam kết *(cụ thể theo phụ lục 01 về danh mục thông tin các dự án thu hút đầu tư vào khu kinh tế, trong đó có 06 dự án đề xuất thu hồi với diện tích thu hồi là 95,4ha).*

- Giai đoạn2019-2025 thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch, sử dụng đất đã thu hồi của các nhà đầu tư và quỹ đất quy hoạch dành cho phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, kho bãi tại khu vực các cửa khẩu, lối mở biên giới chưa sử dụng là 226,2 ha *(kèm theo phụ lục 03 tổng hợp về tình hình sử dụng đất tại khu vực các cửa khẩu, lối mở đã quy hoạch chi tiết)* để ưu tiên quỹ đất thu hút các dự án đầu tư lớn, sử dụng nhiều lao động như dự án của Tập đoànTH true Milk tại huyện Phục Hòa và dự án của Công ty cổ phần Lavifood tại cửa khẩu Trà Lĩnh, hiện nay hai công ty đang khảo sát tìm hiểu cơ hội đầu tư tại cửa khẩu Tà Lùng và Trà Lĩnh; các dự án chế biến nông lâm sản. Giai đoạn 2019-2025, từng bước giảm dần và không cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án nhỏ, sử dụng ít lao động, dự án kinh doanh kho bãi trong KKTCK.

- Hàng năm tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư lớn có sức lan tỏa với thành phần tham dự không chỉ là các doanh nghiệp trong tỉnh mà còn mở rộng đến các tập đoàn, doanh nghiệp từ các tỉnh khác và doanh nghiệp Trung Quốc để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp gặp gỡ tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư, kết hợp với quảng bá tiềm năng thế mạnh của tỉnh, giải đáp thắc mắc, vướng mắc và hỗ trợ cho các doanh nghiệp tìm hiểu cơ hội đầu tư vào KKTCK.

*1.3. Phát huy lợi thế, tháo gỡ khó khăn để tập trung đột phá thế mạnh*

- Giai đoạn 2020-2030 từng bước thực hiện phát huy 8 lợi thế, tháo gỡ 3 điểm nghẽn và tập trung đột phá 3 thế mạnh theo chỉ đạo của đồng chí Bí Thư Tỉnh ủy Cao Bằng (đã nêu trong phần thực trạng phát triển KKTCK). Trong đó, tập trung khai thác phát triển kinh tế biên mậu kết hợp với dịch vụ du lịch để tận dụng lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên được thiên nhiên ưu ái ban tặng; trong dài hạn đến năm 2030 tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến nông - lâm nghiệp phục vụ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, từ đó tạo nhu cầu kích thích phát triển nông- lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nói chung, KKTCK nói riêng.

2. Giải pháp tháo gỡ khó khăn XNK hàng hóa

- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh chủ trì, chủ động trong việc thống nhất sự phối hợp với các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu, các cơ quan liên quan để hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa về thời gian và thủ tục thông quan cho các doanh nghiệp XNK hàng hóa, nhất là đối với doanh nghiệp có lượng hàng hóa tồn kho lớn. Đồng thời vận dụng sáng tạo và linh hoạt cơ chế chính sách vào thực tế tại KKTCK; tích cực cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình làm thủ tục một cách hợp lý; thực hiện đồng bộ các giải giáp chuyển dần từ xuất khẩu tiểu ngạch sang chính ngạch. Phối hợp với phía bạn làm tốt công tác mở mới, nâng cấp các cửa khẩu, lối mở phục vụ việc xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Nâng cấp và mở các cửa khẩu, lối mở biên giới để tạo điều kiện pháp lý cho hoạt động XNK hàng hóa, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới và tạo điều kiện cho XNC-XNB người và phương tiện vận tải. Cụ thể là nâng cấp các cửa khẩu Trà Lĩnh lên thành cửa khẩu quốc tế, công bố cửa khẩu quốc tế Tà Lùng, mở lối mở thông quan hàng hóa (Nà Đoỏng thuộc cửa khẩu Trà Lĩnh), xây dựng cầu phao Tà Lùng (2019) để tạo điều kiện thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp để cung ứng cho các nhà máy chế biến trong KKTCK phục vụ xuất khẩu sang Trung Quốc tiến tới giảm dần phụ thuộc nguồn hàng từ các tỉnh khác xuất khẩu qua KKTCK tỉnh Cao Bằng.

- Năm 2019 thực hiện sửa đổi, bổ sung mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới để tăng tính cạnh tranh, thu hút hàng hóa XNK qua địa bàn KKTCK tỉnh Cao Bằng.

**3. Xây dựng quy hoạch chung KKTCK tỉnh Cao Bằng và thực hiện quản lý quy hoạch xây dựng trong KKTCK**

- Giai đoạn 2020-2022 hoàn thành quy hoạch chung KKTCK tỉnh Cao Bằng và xây dựng quy hoạch chi tiết các khu chức năng phù hợp với lợi thế và định hướng phát triển của từng cửa khẩu nhằm phát huy được hết tiềm năng, thế mạnh thúc đẩy phát triển như khu phi thuế quan, cảng cạn ICD…Căn cứ vào quy hoạch được phê duyệt là cơ sở định hướng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xây dựng chính sách quản lý hợp lý, tạo động lực phát triển KKTCK.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện biên giới trong công tác quản lý quy hoạch, xây dựng trong khu kinh tế theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**4. Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong KKTCK**

- Phân kỳ vốn đầu tư phù hợp cho từng giai đoạn, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và đề ra giải pháp tích cực mạnh mẽ về cơ chế chính sách huy động nguồn vốn. Tổng nhu cầu vốn đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn 2019-2030 là 1.799 tỷ đồng *(Chi tiết tại phụ lục 2 tổng hợp phân kỳ vốn đầu tư cho các dự án trọng điểm trong KKTCK giai đoạn 2019-2030).*

- Giai đoạn 2019-2025, huy động nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn vay để xây dựng tuyến đường kết nối giao thông giữa các cửa khẩu, lối mở và trung tâm tỉnh, huyện với các cửa khẩu; xây dựng tuyến cao tốc Trà Lĩnh (Cao Bằng)– Đồng Đăng (Lạng Sơn)

**5. Giải pháp về quản lý đất đai và môi trường**

- Rà soát việc thực hiện pháp luật về đất đai đối với các dự án đang thực hiện, công tác giao đất, cho thuê đất phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Rà soát, đôn đốc các địa phương biên giới sớm hoàn thiện các dự án hạ tầng khu tái định cư để tạo quỹ đất ở phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, đồng thời tạo thêm nguồn lực cho đầu tư hạ tầng cửa khẩu từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

- Đối với công tác giải phóng mặt bằng: Quyết liệt hơn trong công tác giải phóng mặt bằng và quản lý quy hoạch để thu hồi đất sạch và bàn giao đất cho nhà đầu tư triển khai dự án, tạo môi trường thông thoáng và hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư vào KKTCK cả tỉnh.

- Về môi trường: Hỗ trợ doanh nghiệp trong KKTCK thực hiện cộng sinh công nghiệp để hướng tới xây dựng KKTCK sinh thái; khuyến khích doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp, cải tiến quy trình quản lý và vận hành, đổi mới và ứng dụng công nghệ theo hướng sản xuất sạch hơn, giảm các nguồn gây ô nhiễm, tái sử dụng chất thải và phế liệu, sử dụng hiệu quả tài nguyên.Giao việc thực hiện công tác vệ sinh môi trường trong KKTCK cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ 100% để giảm gánh nặng chi cho ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, môi trường của các chủ đầu tư hạ tầng và doanh nghiệp trong KKTCK.

**6. Nhóm giải pháp về nguồn lực, nhân lực**

*6.1. Phương án huy động nguồn vốn để xây dựng và phát triển KKTCK*

- Giai đoạn 2019-2020 thực hiện bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với công trình chợ cửa khẩu Tà Lùng và Trung tâm thương mại cửa khẩu Trà Lĩnh. Giai đọan 2020-2025 khai thác các quỹ đất sạch tại các khu vực cửa khẩu, lối mở để đấu giá quyền sử dụng đất nhằm huy động nguồn vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng KKTCK.Căn cứ quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu được phê duyệt,tại mỗi cửa khẩu sẽ quy hoạch hợp lý các dự án phát triển đô thị cửa khẩu phù hợp với từng cửa khẩu, có vị trí thuận lợi, để có căn cứ chào mời các nhà đầu tư vào xây dựng các dự án đô thị phục vụ công tác sắp xếp dân cư, công tác giải phóng mặt bằng và tạo nguồn lực để đầu tư các hạ tầng kinh tế - xã hội khác.Đối với một số dự án xây trụ sở làm việc chung của các lực lượng chuyên ngành tại các cửa khẩu phụ, lối mở thực hiện theo phương án: Nhà nước sử dụng vốn vay để giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch, sử dụng để đấu giá. Nhà đầu tư sẽ trả tiền đất và xây nhà làm việc cho cơ quan quản lý nhà nước.Đối với các công trình giao thông, hệ thống xử lý nước thải, rác thảitrong KKTCK ưu tiên huy động nguồn vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư thực hiện để giảm ghánh nặng cho ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục làm việc với các Bộ, Ngành Trung ương để báo cáo Thủ tướng Chính phủ nhằm tranh thủ sự ủng hộ, bố trí nguồn vốn cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm, quy mô trong KKTCK.

*6.2. Về nguồn nhân lực*

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KKTCKtheo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

-Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho các ngành nghề có tính chất quyết định đến hình thành và phát triển KKTCK trong các ngành dịch vụ, sản xuất như: xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, quản lý và giám sát dự án, logistic, quản lý kho bãi, quản lý thuế, nghiệp vụ XNK, tài chính, ngân hàng...

**7. Nhóm giải pháp về cải cách hành chính, kiểm tra, giám sát và hợp tác quốc tế***(tập trung thực hiện trong giai đoạn 2020-2025)*

*7.1. Về cải cách thủ tục hành chính và kiểm tra, giám sát*

- Rà soát, loại bỏ các trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các sở, ban, ngành. Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý, giám sát các hoạt động tại khu vực các cửa khẩu.Rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, doanh nghiệp và nhân dân về KKTCK để nâng cao ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý, đảng viên, doanh nghiệp và nhân dân nói chung và các hoạt động của KKTCK nói riêng nhằm tạo ra môi trường phát triển thông thoáng, công bằng, dân chủ và phát triển bền vững.

-Năm 2019-2020 xây dựng cơ chế giám sát, thẩm định, kiểm tra, thanh travà phải được thực hiện thường xuyên, liên tục. Trong quá trình triển khai kiểm tra và thanh tra, ngành thanh tra phải thường xuyên họp đoàn để rút kinh nghiệm cũng như tìm phương án xử lý thích hợp nhất, đảm bảo chất lượng các cuộc kiểm tra và thanh tra…Về bộ máy tổ chức thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước đối với KKTCK cần được kiện toàn, bố trí, sắp xếp hợp lý.

*b)Tận dụng cơ hội hợp tác quốc tế*

Thông qua cơ chế hội đàm định kỳ với các ngành hữu quan phía Trung Quốc để thống nhất hợp tác phát triển các hoạt động thương mại biên giới như du lịch qua biên giới; hợp tác xây dựng khu kinh tế qua biên giới; cùng với đó là kết nối doanh nghiệp hai nước để thúc đẩy các hợp đồng XNK nhằm tạo sự ổn định phát triển bền vững cho KKTCK. Lộ trình thực hiện trong dài hạn 2021-2030.

Thống nhất với cơ quan quản lý cửa khẩu phía Trung Quốc, định kỳ 1 tháng 2 lần cơ quan quản lý cửa khẩu trên địa bàn tỉnh tổ chức trao đổi luân phiên với cơ quan quản lý cửa khẩu đối diện phía Trung Quốc để nắm bắt tình hình kinh tế biên mậu, kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong công tác quản lý nhà nước và khó khăn của doanh nghiệp trên địa bàn.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Công tác chỉ đạo điều hành thực hiện Đề án

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện Đề án này. Thời gian hoàn thành trong Quý IV năm 2019. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Đề án gửi về Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với báo cáo 6 tháng, gửi trước ngày 20 của tháng 6; báo cáo năm, gửi trước ngày 20 tháng 12.

Giao Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh chủ trì theo dõi, đôn đốc, giám sát và đánh giá việc thực hiện Đề án và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị quán triệt và triển khai thực hiện Đề án định kỳ 02 năm một lần. Các cơ quan liên quan kịp thời báo cáo các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai về UBND tỉnh (qua Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh tổng hợp, tham mưu) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí kinh phí hằng năm để thực hiện Đề án; hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí thực hiện Đề án đúng mục đích và thanh, quyết toán theo quy định.

**2. Trách nhiện cụ thể của các cơ quan quản lý nhà nước**

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 Ban hành Quy chế quản lý cửa khẩu, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế cửa khẩu và Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố kịp thời tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

*1.1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*

- Tiếp nhận, xử lý văn bản liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với KKTCK như về cơ chế chính sách, kiến nghị, đề xuất của cácsở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố để trình lãnh đạo UBND tỉnh xem xét.

-Phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh tổ chức hội nghị quán triệt và triển khai thực hiện Đề án 2 năm một lần.

- Xây dựng cơ chế kiểm tra, thanh tra và giám sát tình hình quản lý các hoạt động trong KKTCK.

 *1.2. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh*

 - Xây dựng dự thảo các cơ chế chính sách phát triển KKTCK như quy chế phối hợp, quy chế quản lý cửa khẩu và quy chế thực hiện thí điểm chính sách biên mậu, chính sách ưu đãi đầu tư trong KKTCK để trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

- Tham mưu cho lãnh đạo tỉnh các vấn đề hợp tác trọng tâm, trọng điểm để thúc đẩy phát triển khu kinh tế cửa khẩu như: Hợp tác xây dựng Khu kinh tế qua biên giới Trà Lĩnh – Long Bang; Khu trung chuyển hàng hóa nông, lâm, thủy sản tại khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh và các giải pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong KKTCK.

 - Điều hành việc phối hợp thống nhất các hoạt động chuyên ngành của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu đảm bảo sự đồng bộ, có trật tự, có nề nếp và duy trì quản lý điều hành, hoạt động của trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu, nhà làm việc chung của các lực lượng chuyên ngành, cơ quan liên quan tại cửa khẩu, lối mở.

 - Chủ trì xây dựng Đồ án quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng và quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu kinh tế cửa khẩu.

 - Thực hiện công tác vệ sinh môi trường trong KKTCK đối với địa bàn được UBND giao thực hiện.

 - Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trong và ngoài nước vào KKTCK tỉnh Cao Bằng.

 - Hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa cho các nhà đầu tư trong việc tiếp cận đất đai, thủ tục đầu tư, hỗ trợ các doanh nghiệp cộng sinh công nghiệp trong KKTCK; quản lý, theo dõi, kiểm tra các dự án đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và kiên quyết thu hồi các dự án không thực hiện đúng cam kết về đầu tư.

 - Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý và phát triển hoạt động kinh tế biên mậu trong KKTCKđối với các dự án đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

 - Thực hiện phương án bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với Chợ cửa khẩu Tà Lùng và Trung Tâm thương mại cửa khẩu Trà Lĩnh; điều chuyển bến xe thị trấn Tà Lùng, thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa cho UBND huyện Phục Hòa; điều chuyển Chợ cửa khẩu Đức Long cho UBND huyện Thạch An quản lý, sử dụng.

 *1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư*

- Đưa các dự án xây dựng hạ tầng KKTCK vào kế hoạch đầu tư hàng năm và trung hạn. Tham mưu cho UBND tỉnhlàm việc với các Bộ, ngành Trung ương để tranh thủ sự ủng hộ, bố trí nguồn vốn cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng KKTCK.

- Chủ trì tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư, gặp gỡ doanh nghiệp; tham mưu cho UBND tỉnh chính sách xúc tiến đầu tư có tầm chiến lược tạo lợi thế thu hút các nhà đầu tư đến với tỉnh Cao Bằng nói chung, KKTCK của tỉnh nói riêng.

- Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện các chính sách nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) là lợi thế để thu hút nhà đầu tư đến với tỉnh Cao Bằng và KKTCK của tỉnh.

*1.4. Sở Tài chính*

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng trong KKTCK; bố trí kinh phí hàng năm duy trì hoạt động quản lý nhà nước tại các cửa khẩu, lối mở biên giới trong KKTCK tỉnh Cao Bằng

- Tham mưu Sửa đổi, bổ sung quy định về mức thu phí công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu KKTCK tỉnh Cao Bằng.

 *1.5. Sở Công thương*

 - Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thực hiện Đề án: Nghiên cứu tính khả thi của việc xuất nhập khẩu hàng hóa nông sản sang thị trường Trung Quốc qua các cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 19/12/2018; phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh chính sách phát triển kinh tế biên mậu.

- Rà soát, bổ sung việc xây dựng chợ, trung tâm thương mại, siêu thị tại KKTCK trong quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh và tham mưu cơ chế chính sách để thúc đẩy hoạt động của các chợphục vụ nhu cầu mua sắm trong KKTCK.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai phát triển dịch vụ logistics phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện của tỉnh; xây dựng cổng thông tin thương mại để hỗ trợ các doanh nghiệp tra cứu thủ tục hành chính về xuất nhập khẩu liên quan đến từng mặt hàng; hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao trình độ, năng lực đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng, xử lý tranh chấp liên quan đến hoạt động logistics.

*1.6. Sở Giao Thông vận tải*

Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân tỉnh trong việc tổ chức quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông kết nối các cửa khẩu, lối mở; kết nối trung tâm tỉnh, huyện với các cửa khẩu, lối mở biên giới và xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Trà Lĩnh (Cao Bằng) - Đồng Đăng (Lạng Sơn) phục vụ lưu thông hàng hóa trong nước và XNK nhằm giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp và tăng lợi thế cạnh tranh để thu hút các dự án đầu tư.

*1.7. Sở Ngoại vụ*

- Chủ trìtham mưu cho UBND tỉnh thực hiện lập, thẩm định quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới trên địa bàn tỉnh (trên cơ sở quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới trên toàn quốc), trình Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điểm a, c Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính Phủ.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý khu kinh tế và các sở, ban, ngành tổ chức hội đàm, ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác phát triển giữa các cơ quan thuộc tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) với các cơ quan quản lý Khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc).

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh triển khai việc mở, nâng cấp cửa khẩu, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

*1.8. Sở Nội vụ*

- Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai các lớp đạo tạo, bồi dường nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức quản lý nhà nước phù hợp với vị trí công việc được giao.

-Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh triển khai Nghị quyết 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, từ đó góp phần huy động nguồn lực phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng an ninh, đảm bảo hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả.

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh bố trí đủ biên chế công chức cho Ban Quản lý khu kinh tế với số lượng là 45 biên chế để đảm bảo công tác quản lý nhà nước đối với Khu kinh tế cửa khẩu, Khu công nghiệp. Việc tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển đặc cách viên chức của các đơn vị thuộc Ban Quản lý lên công chức phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính.

*1.9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

 - Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh để cung ứng cho các nhà máy chế biến trong KKTCK, tăng giá trị hàng hóa phục vụ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

 - Bố trí cán bộ, công chức thực hiện tốt công tác kiểm dịch động vật và thực vật trong KKTCK, đặc biệt là tại các cửa khẩu, lối mở biên giới.

*1.10. Sở Y tế*

 Bố trí cán bộ, công chức thực hiện tốt công tác kiểm dịch y tế, phòng dịch tại cửa khẩu, lối mở biên giới và đối với toàn bộ KKTCK tỉnh Cao Bằng.

*1.11. Sở Văn hóa, Thế thao và du lịch*

Xây dựng chính sách quản lý, phương án triển khai hoạt động du lịch kết hợp cửa khẩu với các danh lam thắng cảnh dọc biên giới tỉnh Cao Bằng.

*1.12. Sở Lao động thương binh và xã hội*

Chủ trì công tác quản lý lao động trên địa bàn KKTCK. Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động trẻ, cung ứng nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển KKTCK.

*1.13. Sở Tài nguyên và Môi trường*

- Trình UBND tỉnh Quyết định giao đất một lần cho Ban Quản lý khu kinh tế để tổ chức, triển khai xây dựng khu kinh tế theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt trong quy hoạch xây dựng của KKT.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết đơn thư khiếu nại của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KKTCK về công tác bảo vệ môi trường. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ khác của ngành về quản lý và bảo vệ môi trường theo quy định.

*1.14. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (cơ quan thường trực Tiểu Ban công tác cửa khẩu)*

- Thực hiện thủ tục biên phòng và công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của người, phương tiện; hoạt động quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; thực hiện công tác đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng; điều hành các phương tiện vận tải hàng hóa ra vào các kho bãi được tỉnh công nhận trong phạm vi địa bàn quản lý, đảm bảo giao thông thông suốt không gây ùn tắc tại khu vực cửa khẩu.

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh nâng cấp cửa khẩu, lối mở trong KKTCK theo đúng quy định tại Điều 20 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính Phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền, khi cửa khẩu, lối mở đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và đảm bảo điều kiện theo quy định.

 *1.15. Cục Hải Quan tỉnh*

 - Quản lý, kiểm tra, giám sát và thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa, vật phẩm tại cửa khẩu, lối mở biên giới theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính và vận dụng sáng tạo cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; thực hiện kiểm tra giám sát hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Hải quan theo quy định của pháp luật đảm bảo hàng hóa được thông quan nhanh chóng, đúng quy định.

*1.16. Cục Thuế tỉnh*

Bố trí cán bộ, công chức tổ chức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đảm bảo quản lý thu đúng, thu đủ, nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

*1.17. Công an tỉnh*

Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp sử dụng lao động nước ngoài cư trú và làm việc tại KKTCK thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật và xử lý các trường hợp vi phạm. Tham gia giải quyết và bảo đảm an ninh trật tự các vụ việc tụ tập đông người, đình công của người lao động trong KKTCK.

*1.18. Ủy ban nhân dân các huyện biên giới*

- Chủ trì thực hiện công tác quản lý quy hoạch và xây dựng trong khu kinh tế cửa khẩu (trên toàn bộ diện tích của khu kinh tế cửa khẩu); công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư; kiểm tra giám sát việc quản lý sử dụng đất, lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, sử dụng đất không đúng mục đích của doanh nghiệp, hộ dân; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai trên địa bàn KKTCK.

- Thực hiện công tác vệ sinh môi trường KKTCK đối với phạm vi đã được UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả đối với các công trình hạ tầng được bàn giao như Chợ cửa khẩu Đức Long, Bến xe thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa.

*1.19. Các Sở, Ban ngành khác và UBND các huyện, thành phố*

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn trong việc triển khai thực hiện Đề án này.

Trên đây là Đề án tổng thể phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng, yêu cầu các Sở, Ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp tổ chức triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc phát sinh đề nghị phản ánh bằng văn bản về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Hoàng Xuân Ánh** |

1. Năm 2002 tỉnh Cao Bằng thành lập 03 Ban quản lý KKTCK trực thuộc UBND tỉnh là Ban Quản lý KKTCK Sóc Giang (huyện Hà Quảng), Ban Quản lý KKTCK Trà Lĩnh (huyện Trà Lĩnh), Ban Quản lý KKTCK Tà Lùng với phạm vi xác định theo Quyết định số 83/2002/QĐ-TTg ngày 26/06/2002 của Thủ tướng Chính phủ. Cơ chế chính sách thực hiện theo Quyết định số 171/1998/QĐ-TTg ngày 09/9/1998 về việc áp dụng thí điểm một số chính sách phát triển kinh tế tại một số khu vực cửa khẩu tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ Về chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu biên giới.Sau khi Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ có hiệu lực thi hành, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định 1753/QĐ-TTg ngày 21/9/2010 thành lập Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng trên cơ sở hợp nhất 03 Ban Quản lý cửa khẩu và Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Đề Thám. Tuy nhiên, theo các quy định nêu trên thì Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng chưa được thành lập, nhưng đã xác định phạm vi áp dụng chính sách đối với KKTCK.

 Quyết định số 1531/QĐ-TTg ngày 30/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ nhất trí sát nhập 03 KKTCK tỉnh Cao Bằng thành KKTCK tỉnh Cao Bằng (sát nhập 03 KKTCK Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang của tỉnh Cao Bằng) để tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo đúng tiêu chí và điều kiện “ bao gồm các đơn vị hành chính liền kề, không tách biệt về không gian". [↑](#footnote-ref-2)
2. Cửa khẩu Tà Lùng với tổng diện tích quy hoạch là 336,3 ha; cửa khẩu Trà Lĩnh diện tích quy hoạch đã điều chỉnh lần cuối là 177,54 ha; cửa khẩu Sóc Giang tổng diện tích quy hoạch là 90 ha; cửa khẩu Lý Vạn là 38,7ha; đối với các cửa khẩu phụ, lối mở khác, đều đã được lập quy hoạch xây dựng để làm cơ sở cho công tác quản lý và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế cửa khẩu. [↑](#footnote-ref-3)
3. Số liệu phương tiện vận tải chuyên chở hàng hóa ra vào khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới theo thống kê thu phí công trình kết cấu hạ tầng, dịch vụ tiện ích công cộng thì tổng số xe vào khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2018 là 202.461 xe. Trong đó năm 2013 là 24.461 xe, năm 2014 là 22.153 xe, năm 2015 là 32.307 xe, năm 2016 là 39.230 xe, năm 2017 là 43.384 xe, năm 2018 là 40.923 xe. [↑](#footnote-ref-4)
4. Bản Ghi nhớ Hội nghị lần thứ: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Ủy ban Công tác liên hợp giữa các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang (Việt Nam) và khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); Biên bản hội đàm giữa Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Việt Nam và Khu Ủy Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc, ký ngày 22/02/2016 tại Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc.Thỏa thuận khung về tăng cường thực hiện hợp tác toàn diện giữa tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) và thành phố Bách Sắc (Quảng Tây– Trung Quốc), ký ngày 14/5/2015 tại Bách Sắc, Quảng Tây, Trung Quốc; Thỏa thuận thúc đẩy xây dựng Khu hợp tác kinh tế Trà Lĩnh (Việt Nam) – Long Bang (Trung Quốc) giữa tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) và thành phố Bách Sắc (Quảng Tây - Trung Quốc), ký ngày 25/4/2016 tại Cao Bằng... [↑](#footnote-ref-5)
5. Hàng hóa xuất khẩu qua các lối mở (tiểu ngạch) chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách của phía Trung Quốc vì thế các doanh nghiệp xuất hàng qua lối mở rất bị động trong xuất khẩu hàng hóa và chịu sự rủi ro cao trong hoạt động thương mại. [↑](#footnote-ref-6)